

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 223/2026/DS-PT

Ngày 25-3-2026.

V/v “*Tranh chấp thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Ông Dương Anh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Yến Xuân – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt H - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2026/TLPT-DS ngày 29/01/2026 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 842/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 576/2026/QĐPT-DS ngày 12 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Phụng H1, sinh năm 1964; địa chỉ: F X, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

- *Bị đơn:* Ông Lê Phụng H2, sinh năm 1959; địa chỉ: H L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cụ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1934; địa chỉ: H L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Phụng H1, sinh năm 1964; có mặt.

+ Ông Lê Phụng H3, sinh năm 1956; địa chỉ: 2 B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng

+ Ông Lê Phụng S, sinh năm 1957; địa chỉ: B N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng

+ Bà Lê Mộng T, sinh năm 1960; địa chỉ: 9 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng

+ Ông Lê Phụng L, sinh năm 1962; địa chỉ: B Upper Clubhouse Dr. C, VA B (USA)

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Phụng H1, sinh năm 1964; có mặt.

+ Bà Lê Mộng Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: 3 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

+ Ông Lê Phụng D, sinh năm 1970; địa chỉ: A B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

+ Ông Lê Phụng V, sinh năm 1974; địa chỉ : 3 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng

+ Bà Nguyễn Thị Diễm N, sinh năm 1972; địa chỉ: H L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

+ Trẻ Lê Tiên D1, sinh năm 2012 và trẻ Lê Tiên H4, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp : Bà Nguyễn Thị Diễm N và ông Lê Phụng H2.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Phụng H2, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Phụng H1 trình bày:

Cha mẹ Ông là cụ Lê Phụng P (chết năm 2019) và cụ Nguyễn Thị Q tạo lập căn nhà số H L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là nhà đất 89 Lê Quang Đ1), theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1322/2002 do Ủy ban nhân dân (UBND) quận B cấp ngày 05/11/2002.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ P là cụ Q và 09 người con, gồm: ông Lê Phụng H3, ông Lê Phụng S, ông Lê Phụng H2, bà Lê Mộng T, ông Lê Phụng L, ông Lê Phụng H1, bà Lê Mộng Đ, ông Lê Phụng D và ông Lê Phụng V.

Ông yêu cầu chia phần di sản của cụ P là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất 89 L. Ông có nhu cầu được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn ông Lê Phụng H2 trình bày và có yêu cầu phản tố như sau:

Ông đồng ý và thống nhất với lời khai của Nguyên đơn về di sản thừa kế và hàng thừa kế của cụ P. Tuy nhiên, do Ông có quá trình sinh sống lâu dài tại nhà Đ L từ năm 2017 đến nay và có công sức gìn giữ, xây dựng, tu bổ làm tăng giá trị căn nhà. Số tiền Ông đã chi nâng cấp căn nhà là 800.000.000 đồng. Do đó, Ông đề nghị được nhận nhà đất nêu trên vì gia đình Ông rất cần ổn định chỗ ở. Hiện nay, ngoài căn nhà nêu trên, gia đình Ông không còn chỗ ở nào khác, trong khi cụ Q và các anh chị em của Ông có rất nhiều nhà. Ông có yêu cầu phản tố, được nhận lại tiền xây dựng nhà 800.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị Q, do ông Lê Phụng H1 làm đại diện, trình bày: Cụ Q thống nhất với nội dung khởi kiện của Nguyên đơn. Cụ có nguyện vọng nhận hiện vật là nhà đất 89 Lê Quang Đ1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Phụng L (đang định cư tại Mỹ), do ông Lê Phụng H1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với nội dung và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Mộng Đ, ông Lê Phụng D trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phụng S, bà Lê Mộng T, ông Lê Phụng V trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm N, trẻ Lê Tiên D1, trẻ Lê Tiên H4 trình bày: Thống nhất với lời khai và yêu cầu phản tố của Bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, cụ Nguyễn Thị Q và các đồng thừa kế tự nguyện hoàn trả cho Bị đơn số tiền sửa nhà là 600.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 842/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phụng H1 về chia thừa kế di sản của cụ Lê Phụng P;

2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, về việc rút yêu cầu chia công sức giữ gìn, tôn tạo di sản theo Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán nhân dân Tối cao;

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Phụng H2, về việc đòi thanh toán chi phí bảo quản di sản;

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, về việc nhận sở hữu căn nhà và hoàn lại suất thừa kế cho các đồng thừa kế khác;

3. Xác định di sản của cụ Lê Phụng P là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại số H L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1322/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 05/11/2002. $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở còn lại thuộc sở hữu của cụ Nguyễn Thị Quy .

4. Hàng thừa kế theo pháp luật hưởng di sản của cụ Lê Phụng P gồm: cụ Nguyễn Thị Q, ông Lê Phụng H3, ông Lê Phụng S, ông Lê Phụng H2, bà Lê Mộng T, ông Lê Phụng L, ông Lê Phụng H1, bà Lê Mộng Đ, ông Lê Phụng D và ông Lê Phụng V.

5. Chia di sản của cụ Lê Phụng P như sau: Các đồng thừa kế có tên nêu tại mục [4] phần Quyết định (của bản án), mỗi người được hưởng 1/10 giá trị di sản tại thời điểm thi hành án.

6. Giao nhà đất số H L, Phường A, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cho cụ Nguyễn Thị Q sở hữu; cụ Q có trách nhiệm thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thanh toán cho ông Lê Phụng H2 số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng;
- Thanh toán cho các thừa kế còn lại theo giá trị mà họ được chia tại mục [5] phần Quyết định của bản án này.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu cụ Nguyễn Thị Q không tự nguyện thi hành việc hoàn tiền cho các đồng thừa kế, thì phải bàn giao nhà đất và giấy tờ nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện đấu giá, phát mãi theo quy định của pháp luật. Sau khi cân trừ các chi phí khác trong việc thi hành án, giá trị nhà đất còn lại được chia theo bản án này; đồng thời phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

8. Cụ Nguyễn Thị Q được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu đối với toàn bộ nhà, đất số H L, Phường A, quận B (nay là Phường B), Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ theo bản án này.

Tất cả thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 18/9/2025, bị đơn ông Lê Phụng H2 kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm về quyền lưu cư của gia đình Bị đơn.

Tại phiên tòa, Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, và bổ sung nếu không được quyền lưu cư thì xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật hoặc xin được mua lại nhà đất trên.

Nguyên đơn tranh luận:

Không chấp nhận cho Bị đơn được lưu cư vì ảnh hưởng đến cuộc sống của cụ Nguyễn Thị Q đã lớn tuổi.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn là có căn cứ pháp luật. Bị đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Phụng H2 làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Bị đơn bổ sung nội dung kháng cáo, xin được chia thừa kế bằng hiện vật nêu không được quyền lưu cư. Tuy nhiên, nội dung kháng cáo bổ sung của Bị đơn vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu nên theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xem xét nội dung kháng cáo bổ sung.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn thấy rằng, di sản của cụ Lê Phụng P là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất 89 L. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chia di sản thừa kế của cụ P, cụ thể (tóm tắt): Các đồng thừa kế (cụ Nguyễn Thị Q, ông Lê Phụng H3, ông Lê Phụng S, ông Lê Phụng H2, bà Lê Mộng T, ông Lê Phụng L, ông Lê Phụng H1, bà Lê Mộng Đ, ông Lê Phụng D và ông Lê Phụng V) mỗi người được hưởng 1/10 giá trị di sản tại thời điểm thi hành án; giao nhà đất 89 L cho cụ Nguyễn Thị Q sở hữu, cụ Q có nghĩa vụ thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau: thanh toán cho ông Lê Phụng H2 số tiền 600.000.000 đồng; thanh toán cho các thừa kế còn lại theo giá trị được chia tại thời điểm thi hành án.

[3] Bị đơn không kháng cáo về việc chia thừa kế nêu trên mà chỉ kháng cáo nội dung, cho gia đình Bị đơn được lưu cư trong thời hạn 03 năm để tìm chỗ ở khác và tạo điều kiện cho các con của Bị đơn (trẻ Lê Tiên D1, sinh năm 2012 và trẻ Lê Tiên H4, sinh năm 2010) là người chưa thành niên có điều kiện ăn ở, học tập.

[4] Xét thấy, Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 không quy định về “*quyền lưu cư*”, nhưng trong vụ án này, thực tế gia đình Bị đơn đang sinh sống tại nhà đất tranh chấp và hiện không có chỗ ở nào khác nên nội dung về quyền lưu cư là một tồn tại khách quan, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự trước đây và thực tế cuộc sống hiện nay. Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, thì Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 (Điều 63) có quy định về quyền lưu cư, do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của BLDS năm 2015 (về áp dụng tương tự pháp luật), giải quyết cho gia đình Bị đơn được quyền lưu cư tại nhà đất trên trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Yêu cầu kháng cáo của Bị đơn được chấp nhận một phần, nhưng đây là yêu cầu mới tại cấp phúc thẩm nên mặc dù sửa Bản án sơ thẩm về nội dung này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi do sửa bản án.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định trên.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không bên nào phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Phụng H2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 842/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 63 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Phụng H2 về việc cho gia đình ông, gồm: ông Lê Phụng H2, bà Nguyễn Thị Diễm N, trẻ Lê Tiên D1 và trẻ Lê Tiên H4 được quyền lưu cư tại nhà đất số H L, Phường A, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hết thời hạn này, nếu những người lưu cư nêu trên không tự nguyện giao nhà cho bên có quyền sở hữu nhà đất số H L, Phường A, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Phụng H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, VNYX.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn

